TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
V/v tranh chấp "*Không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường;
Bà Đàng Thị Hồng Lam.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày*:

Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục đăng ký kết hôn, do không biết thủ tục đăng ký kết hôn như thế nào.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa bà với ông Nguyễn Đ làm ăn gặp khó khăn, nên giữa tôi với Đ xảy ra cãi nhau, ông Đ bỏ đi, để cháu ông Đ và em ông Đ đánh bà. Từ đó bà bỏ đi làm cho đến nay.

Hiện bà với ông Nguyễn Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 5-2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Đ, nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Đ.

Về con chung: Tôi với ông Nguyễn Đ sống với nhau có 4 con chung Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999, Nguyễn Thị L, sinh năm 2004. Hiện các con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố ông Nguyễn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục đăng ký kết hôn, đến năm 2004 ông có nhờ người đi làm thủ tục đăng ký kết hôn giúp, nhưng không biết lý do sao mà không có đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã P. Từ đó ông cũng không thấy giấy đăng ký kết hôn và cũng không hỏi về giấy đăng ký kết hôn.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì không biết lý do gì mà Nguyễn Thị C tự ý bỏ gia đình ra đi, khi ông gọi bà Nguyễn Thị C về thì bà Nguyễn Thị C nói không về nữa, từ đó ông với bà Nguyễn Thị C sống ly thân, không quan tâm đến nhau.

Trước đó bà Nguyễn Thị C có phát hiện con dao trên đầu giường, rồi bà Nguyễn Thị C đổi thừa cho ông là tại sao để dao trên giường làm gì, nói ông có ý đồ muốn giết bà Nguyễn Thị C, ông nói không phải do ông để nhưng bà Nguyễn Thị C vẫn nói con dao đó là của ông, ông tức quá ông khóc, khi ông khóc thì cháu gái của ông thấy ông khóc, nên có đánh bà Nguyễn Thị C, sự việc sau đó được Công an xã P giải quyết, nhưng khoảng một tháng sau bà Nguyễn Thị C tự ý bỏ nhà ra đi.

Hiện ông với bà Nguyễn Thị C đã sống ly thân với nhau từ ngày 17-5-2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.

Nay bà Nguyễn Thị C làm đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông, thì ông không đồng ý, vì ông thấy giữa ông với bà Nguyễn Thị C không có mâu thuẫn gì và ông vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị C. Ông yêu cầu được đoàn tụ với bà Nguyễn Thị C. Tại phiên tòa ông đồng ý với yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà Nguyễn Thị C

Về con chung: Ông với bà Nguyễn Thị C sống với nhau có 4 con chung Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, Nguyễn Thị T, sinh năm 1999, Nguyễn Thị L, sinh năm 2004. Hiện các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa, không yêu cầu giải quyết

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, không công nhận bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét đến; Về tài sản chung tự thỏa thuận, nên không xem xét đến. Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp không công nhận là vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Mặc dù, theo quy định của pháp luật ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng thực tế từ trước đến nay ông bà không đăng ký kết hôn. Như vậy, bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ chưa tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ sống với nhau có 04 con chung, nhưng đã trưởng thành bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3]. Về tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "không công nhận là vợ chồng" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Không công nhận quan hệ bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Đ là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án bà Nguyễn Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002938, ngày 07-02-2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Ngọc Minh **Lê Thị Hường** **Nguyễn Thanh Bình**